ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ PHÚC LƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/QĐ-UBND	*Phúc Lương, ngày 11 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của UBND xã Phúc Lương trình HĐND xã, dự toán đã được HĐND xã quyết định.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC LƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 08/1/2021của HĐND xã Phúc Lương về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2021;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của UBND xã Phúc Lương trình HĐND xã, dự toán đã được HĐND xã quyết định (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Phúc Lương, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận: *- Đảng ủy xã;* *- HĐND xã;* *- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;* *- Các trưởng xóm trong xã;* *- Lưu: VT, ...*	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Tống Văn Thiện**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC LƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Niêm yết công khai dự toán năm 2021 trình HĐND xã, dự toán đã được HĐND xã quyết định

Hôm nay, hồi 8 giờ ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại UBND xã Phúc Lương

Thành phần gồm có:

1. Ông: Tống Văn Thiện - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã
2. Bà: Lưu Thị Hạnh - Chức vụ: Kế toán NS xã
3 Bà: Nông Thị Thảo - Chức vụ: Công chức VP thống kê xã

Có sự chứng kiến của:

1. Ông: Lý Văn Bình - Chức vụ: P.CTUBND xã
2. Ông: Nông Tân Huyên - Chức vụ: Thanh tra nhân dân
3. Ông: Đào Long Trọng - Chức vụ: CT công đoàn

*** Nội dung:** Lập biên bản niêm yết công khai dự toán năm 2021 trình HĐND xã, dự toán đã được HĐND xã quyết định với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Biểu công khai dự toán năm 2021 trình HĐND xã, dự toán đã được HĐND xã quyết định.

(Có phụ biểu số 103/CKTC-NSNN, số 104/CKTC-NSNN, số 105/CKTC-NSNN, số 106/CKTC-NSNN, số 107/CKTC-NSNN, số 108/CKTC-NSNN số 109/CKTC-NSNN, số 110/CKTC-NSNN, số 111/CKTC-NSNN, số 112/CKTC-NSNN, số 113/CKTC-NSNN, số 114/CKTC-NSNN, số 115/CKTC-NSNN và thuyết minh dự toán ngân sách kèm theo)

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 11/01/2021 đến hết ngày 28/2/2021.

- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại Trụ sở UBND xã, trên hệ thống loa truyền thanh, thông qua trưởng xóm, thông qua trang thông tin điện tử của xã.

Biên bản lập xong hồi 8 giờ 30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN	TM. UBND XÃ PHÚC LƯƠNG CHỦ TỊCH
Nông Thị Thảo	Tống Văn Thiện

ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ HỌP

Kế toán	Công Đoàn	Thanh tra nhân dân
Lưu Thị Hạnh	Đào Long Trọng	Nông Tân Huyên

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC LƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Niêm yết công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý II năm 2021

Hôm nay, hồi 8 giờ ngày 03 tháng 07 năm 2021, tại UBND xã Phúc Lương

Thành phần gồm có:

1. Ông: Tống Văn Thiện - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã
2. Bà: Lưu Thị Hạnh - Chức vụ: Kế toán NS xã
3 Bà: Nông Thị Thảo - Chức vụ: Công chức VP thống kê xã

Có sự chứng kiến của:

1. Ông: Lý Văn Bình - Chức vụ: P.CTUBND xã
2. Ông: Nông Tân Huyên - Chức vụ: Thanh tra nhân dân
3. Ông: Đào Long Trọng - Chức vụ: CT công đoàn

***Nội dung:** Lập biên bản niêm yết công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý II năm 2021 với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Biểu công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý II năm 2021 của UBND xã Phúc Lương.

(Có phụ biểu số 113/CKTC-NSNN, số 114/CKTC-NSNN, số 115/CKTC-NSNN kèm theo)

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 3/7/2021 đến hết ngày 01/8/2021.
- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại Trụ sở UBND xã, trên hệ thống loa truyền thanh, thông qua trưởng xóm, thông qua trang thông tin điện tử của xã.

Biên bản lập xong hồi 8 giờ 30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN	TM. UBDN XÃ PHÚC LƯƠNG CHỦ TỊCH
Nông Thị Thảo	Tống Văn Thiện

ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ HỌP

Kế toán	Công Đoàn	Thanh tra nhân dân
Lưu Thị Hạnh	Đào Long Trọng	Nông Tân Huyên

UBND XÃ PHÚC LƯƠNG

Biểu số 103/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**5.112.040.400**	**TỔNG SỐ CHI**	**5.112.040.400**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	38.400.000	I. Tiết kiệm chi	56.300.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ [1]	47.600.000	II. Chi thường xuyên	5.000.740.400
III. Thu bổ sung	5.026.040.400	III. Dự phòng	55.000.000
- Bổ sung cân đối	4.143.674.400		
- Bổ sung có mục tiêu	882.366.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

UBND XÃ PHÚC LƯƠNG

Biểu số 104/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2021		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5=3/1*	*6=4/2*
	TỔNG THU	**5.112.040.400**	**5.112.040.400**	**5.112.040.400**	**5.112.040.400**		
I	**Các khoản thu 100%**	**52.000.000**	**52.000.000**	**52.000.000**	**52.000.000**		
	Lệ phí chứng thư	31.000.000	31.000.000	31.000.000	31.000.000		
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		-				
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		-				
	Thu khác	21.000.000	21.000.000	21.000.000	21.000.000		
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**34.000.000**	**34.000.000**	**34.000.000**	**34.000.000**		
1	Các khoản thu phân chia	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	1.500.000	**1.500.000**				
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	27.000.000	27.000.000	27.000.000	27.000.000		
	Thuế GTGT	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000		
	Thuế TNDN từ CN bất động sản	19.000.000	19.000.000	19.000.000	19.000.000		
	Thuế TNCN từ SXKD	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000		
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**		-				
IV	**Thu chuyển nguồn**		-				
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		-				
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**5.026.040.400**	**5.026.040.400**	**5.026.040.400**	**5.026.040.400**		
	- Thu bổ sung cân đối	4.143.674.400	4.143.674.400	4.143.674.400	4.143.674.400		
	- Thu bổ sung có mục tiêu	882.366.000	882.366.000	882.366.000	882.366.000		

BND XÃ PHÚC LƯƠNG

Biểu số 105/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021 (năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2021					
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**5.112.040.400**	**0**	**5.112.040.400**	**5.112.040.400**	**0**	**5.112.040.400**			
	Trong đó									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	19.800.000		19.800.000	19.800.000		19.800.000			
5	Chi phát thanh, truyền thanh	6.000.000		6.000.000	6.000.000		6.000.000			
6	Chi thể dục thể thao	53.500.000		53.500.000	53.500.000		53.500.000			
7	Chi bảo vệ môi trường	0		0	0		0			
8	Chi các hoạt động kinh tế thủy lợi, giao thông	22.500.000		22.500.000	22.500.000		22.500.000			
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.824.803.032		3.824.803.032	3.824.803.032		3.824.803.032			
10	Chi phụ cấp nhân viên y tế xóm	89.400.000		89.400.000	89.400.000		89.400.000			
10	Chi cho công tác xã hội	270.166.272		270.166.272	270.166.272		270.166.272			
11	Chi dân quân tự vệ, an ninh	696.571.096		696.571.096	696.571.096		696.571.096			
11	Chi khác	18.000.000		18.000.000	18.000.000		18.000.000			
12	Dự phòng ngân sách	55.000.000		55.000.000	55.000.000		55.000.000			
13	Tiết kiệm chi	56.300.000		56.300.000	56.300.000		56.300.000			

XÃ PHÚC LƯƠNG

Biểu số 106/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN[(1)] NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2020	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2020	Dự toán năm 2021			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		**11.873.213.601**	**-**	**6.687.104.500**	**5.097.781.503**	**4.679.297.359**	**1.679.297.359**	**3.230.486.539**	
g trình chuyển tiếp		**7.357.962.708**	**-**	**6.687.104.500**	**5.097.781.503**	**1.679.297.359**	**1.679.297.359**	**230.486.539**	
GTLX Na Khâm – Phúc Sơn – Hàm Rồng xã ương. (GĐ2, 2019)	2019-2020	*2.666.602.895*		*2.519.755.000*	*2.441.970.534*	*77.784.466*	77.784.466		
giao thông liên xóm Cò Rôm - Cây Hồng ốc ông Kỳ đi trạm điện xóm Cò Rôm); Hạng ặt đường, rãnh dọc, lề đường	2020-2021	*2.393.729.349*		*2.263.136.500*	*2.059.000.000*	*218.249.716*	218.249.716		
vào trường Tiểu học Phúc Lương (điểm đầu g Phúc Lương - Minh Tiến, điểm cuối là cổng Tiểu học)	2020	*379.702.362*		*359.771.000*	*253.000.000*	*108.856.459*	108.856.459		
UBND xã Phúc Lương; hạng mục: Nhà làm phận một cửa và trả kết quả	2020	*770.861.041*		*694.117.000*	*250.000.000*	*451.637.165*	451.637.165		
ấp, sửa chữa nhà làm việc 2 tầng Trụ sở xã Phúc Lương	2020	*916.580.522*		*850.325.000*	*93.810.969*	*822.769.553*	822.769.553		
inh quy hoạch chung xã Phúc Lương	2020-2021	*230.486.539*				-		230.486.539	
g trình khởi công mới		**4.515.250.893**				**3.000.000.000**	**0**	**3.000.000.000**	**0**
g giao thông liên xóm Na Sơn – Nhất Tâm nh Long xã Phúc Lương, hạng mục: Mặt , cống ngang, rãnh dọc	2021	4.515.250.893				3.000.000.000		3.000.000.000	

ú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

UBND XÃ PHÚC LƯƠNG

Biểu số 107/CK TC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021 (năm hiện hành)			KẾ HOẠCH NĂM 2021		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	**120.000.000**	**120.000.000**	**0**	**120.000.000**	**120.000.000**	**0**
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	120.000.000	120.000.000	0	120.000.000	120.000.000	0
Quỹ nhân Đạo	20.000.000	20.000.000	0	20.000.000	20.000.000	0
Quỹ trẻ thơ	20.000.000	20.000.000	0	20.000.000	20.000.000	0
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	20.000.000	20.000.000	0	20.000.000	20.000.000	0
Quỹ NCT	20.000.000	20.000.000	0	20.000.000	20.000.000	0
Quỹ Vì người nghèo	20.000.000	20.000.000	0	20.000.000	20.000.000	0
Quỹ Phòng chống thiên tai	20.000.000	20.000.000	0	20.000.000	20.000.000	0
2. Các hoạt động sự nghiệp	**0**					
+ Chợ						
+ Bến bãi						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

UBND XÃ PHÚC LƯƠNG **Biểu số 108/CK TC-NSNN**

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**5.112.040.400**	**TỔNG SỐ CHI**	**5.112.040.400**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	38.400.000	I. Tiết kiệm chi	56.300.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ [(1)]	47.600.000	II. Chi thường xuyên	5.000.740.400
III. Thu bổ sung		III. Dự phòng	55.000.000
- Bổ sung cân đối	4.143.674.400		
- Bổ sung có mục tiêu	882.366.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

UBND XÃ PHÚC LƯƠNG **Biểu số 109/CK TC-NSNN**

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	**5.112.040.400**	**5.112.040.400**
I	**Các khoản thu 100%**	**52.000.000**	**52.000.000**
1	Lệ phí chứng thực	31.000.000	31.000.000
2	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		0
8	Thu khác	21.000.000	21.000.000
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**34.000.000**	**34.000.000**
1	Các khoản thu phân chia		
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	Thuế ngoài quốc doanh (thuế hộ khoán cố định GTGT)	5.000.000	5.000.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	5.500.000	5.500.000
	Phí môn bài	1.500.000	1.500.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	22.000.000	22.000.000
	Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	19.000.000	19.000.000
	Thuế TNCN từ SXKD	3.000.000	3.000.000
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**		
IV	**Thu chuyển nguồn**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**5.026.040.400**	**5.026.040.400**
	- Thu bổ sung cân đối	4.143.674.400	4.143.674.400
	- Thu bổ sung có mục tiêu	882.366.000	882.366.000

UBND XÃ PHÚC LƯƠNG **Biểu số 110/CK TC-NSNN**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021		
		TỔNG SỐ	TIẾT KIỆM CHI TX	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	**5.112.040.400**	**56.300.000**	**5.000.740.400**
	Trong đó			
1	Chi giáo dục	0		0
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế	0		0
4	Chi văn hóa, thông tin	22.000.000	2.200.000	19.800.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	6.000.000		6.000.000
6	Chi thể dục thể thao	55.000.000	1.500.000	53.500.000
7	Chi hỗ trợ khác	20.000.000	2.000.000	18.000.000
8	Chi pc nhân viên y tế xóm	89.400.000		89.400.000
9	Chi các hoạt động kinh tế	25.000.000	2.500.000	22.500.000
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.824.803.032	48.100.000	3.824.803.032
11	Chi cho công tác xã hội	270.166.272		270.166.272
12	Chi dân quân tự vệ, an ninh trật tự	696.571.096		696.571.096
13	Dự phòng ngân sách	**55.000.000**		55.000.000

UBND XÃ PHÚC LƯƠNG

Biểu số 111/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN[(1)] NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2020	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2020	Dự toán năm 2021			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		**11.873.213.601**	**-**	**6.687.104.500**	**5.097.781.503**	**4.679.297.359**	**1.679.297.359**	**3.230.486.539**	
1. Công trình chuyển tiếp		**7.357.962.708**	**-**	**6.687.104.500**	**5.097.781.503**	**1.679.297.359**	**1.679.297.359**	**230.486.539**	
Đường GTLX Na Khâm – Phúc Sơn – Hàm Rồng xã Phúc Lương. (GĐ2, 2019)	2019-2020	*2.666.602.895*		*2.519.755.000*	*2.441.970.534*	*77.784.466*	77.784.466		
Đường giao thông liên xóm Cò Rôm - Cây Hồng (đoạn dốc ông Kỳ đi trạm điện xóm Cò Rôm); Hạng mục: Mặt đường, rãnh dọc, lề đường	2020-2021	*2.393.729.349*		*2.263.136.500*	*2.059.000.000*	*218.249.716*	218.249.716		
Đường vào trường Tiểu học Phúc Lương (điểm đầu là đường Phúc Lương - Minh Tiến, điểm cuối là cổng trường Tiểu học)	2020	*379.702.362*		*359.771.000*	*253.000.000*	*108.856.459*	108.856.459		
Trụ sở UBND xã Phúc Lương; hạng mục: Nhà làm việc bộ phận một cửa và trả kết quả	2020	*770.861.041*		*694.117.000*	*250.000.000*	*451.637.165*	451.637.165		
Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc 2 tầng Trụ sở UBND xã Phúc Lương	2020	*916.580.522*		*850.325.000*	*93.810.969*	*822.769.553*	822.769.553		
Điều chỉnh quy hoạch chung xã Phúc Lương	2020-2021	*230.486.539*				-		230.486.539	
2. Công trình khởi công mới		**4.515.250.893**				**3.000.000.000**	**0**	**3.000.000.000**	**0**
Đường giao thông liên xóm Na Sơn – Nhất Tâm – Thành Long xã Phúc Lương, hạng mục: Mặt đường, cống ngang, rãnh dọc	2021	4.515.250.893				3.000.000.000		3.000.000.000	

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

UBND XÃ PHÚC LƯƠNG

Biểu số 112/CK TC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021 (năm hiện hành)			KẾ HOẠCH NĂM 2021		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	**120.000.000**	**100.000.000**	**0**	**120.000.000**	**120.000.000**	**0**
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	120.000.000	100.000.000	0	120.000.000	120.000.000	0
Quỹ nhân Đạo	20.000.000	20.000.000	0	20.000.000	20.000.000	0
Quỹ trẻ thơ	20.000.000	20.000.000	0	20.000.000	20.000.000	0
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	20.000.000	20.000.000	0	20.000.000	20.000.000	0
Quỹ NCT	20.000.000	20.000.000	0	20.000.000	20.000.000	0
Quỹ Vì người nghèo	20.000.000	20.000.000	0	20.000.000	20.000.000	0
Quỹ thiên tai	20.000.000	20.000.000	0	20.000.000	20.000.000	0
2. Các hoạt động sự nghiệp	**0**					
+ Chợ						
+ Bến bãi						

UBND XÃ PHÚC LƯƠNG *Mẫu số 113/CK TC- NSNN*

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

ĐVT: Đồng

TT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC NĂM 2021	SO SÁNH (%)
A	*B*	*1*	*2*	*3=2/1*
I	**TỔNG SỐ THU**	**5.112.040.400**	**5.112.040.400**	**100.00**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	38.400.000	38.400.000	100.00
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	47.600.000	47.600.000	
3	Thu bổ sung	5.026.040.400	5.026.040.400	100.00
	- Thu bổ sung cân đối	4.143.674.400	4.143.674.400	100.00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	882.366.000	882.366.000	
4	Thu chuyển nguồn			
II	**TỔNG SỐ CHI**	**5.112.040.400**	**5.112.040.400**	**100.00**
1	Chi thường xuyên	5.000.740.400	5.000.740.400	100.00
2	Tiết kiệm chi	56.300.000	56.300.000	100.00
3	Dự phòng	55.000.000	55.000.000	
4	Chi đầu tư xây dựng			

ÚC LƯƠNG

Mẫu số 114/CK TC- NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

ĐVT: Đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC TH NĂM 2021		SO SÁNH %	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	1	*2*	*3*	*4*	*5=3/1*	*6=4/2*
TỔNG THU	**5.112.040.400**	**5.112.040.400**	**5.112.040.400**	**5.112.040.400**	**100.00**	**100.00**
Các khoản thu 100%	**86.000.000**	**86.000.000**	**86.000.000**	**86.000.000**	**100.00**	**100.00**
Phí, lệ phí						
Phí lề đường bến bãi	-	-	-	-		
Phí môn bài	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000	100.00	100.00
Lệ phí chứng thư	31.000.000	31.000.000	31.000.000	31.000.000	100.00	100.00
Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo c	-					
Đòng góp của nhân dân theo quy định	-			-		
Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân	-					
Thu khác	21.000.000	21.000.000	21.000.000	21.000.000	100.00	100.00
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-					
Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	-					
Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	-					
Lệ phí trước bạ nhà đất	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000	100.00	100.00
Thuế GTGT	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	100.00	100.00
Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	19.000.000	19.000.000	19.000.000	19.000.000	100.00	100.00
Thuế TNCN từ SXKD	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	100.00	100.00
Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)				-		
Thu chuyển nguồn						
Thu kết dư ngân sách năm trước						
Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**5.026.040.400**	**5.026.040.400**	**5.026.040.400**	**5.026.040.400**	**100.00**	**100.00**
- Thu bổ sung cân đối	4.143.674.400	4.143.674.400	4.143.674.400	4.143.674.400	100.00	100.00
- Thu bổ sung có mục tiêu	882.366.000	882.366.000	882.366.000	882.366.000	100.00	100.00

ỦD XÃ PHÚC LƯƠNG

Mẫu số 115/CK TC- NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

ĐVT: Đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC TH NĂM 2021			SO SÁNH %		
	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
B	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=4/1*	*8=5/2*	*9=6/3*
TỔNG CHI	**5.112.040.400**	**-**	**5.112.040.400**	**5.112.040.400**	**-**	**5.112.040.400**	**100.00**		**100.00**
Chi giáo dục	-			-	-				
Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-					
Chi y tế	-			-					
Chi văn hóa thông tin	19.800.000		19.800.000	19.800.000		19.800.000	100.00		100.00
Chi phát thanh truyền hình	6.000.000		6.000.000	6.000.000		6.000.000	100.00		100.00
Chi thể dục thể thao	53.500.000		53.500.000	53.500.000		53.500.000	100.00		100.00
Chi hỗ trợ khác	18.000.000		18.000.000	18.000.000		18.000.000	100.00		100.00
Chi pc nhân viên y tế xóm	89.400.000		89.400.000	89.400.000		89.400.000	100.00		100.00
Chi hoạt động kinh tế	22.500.000		22.500.000	22.500.000		22.500.000	100.00		100.00
Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.824.803.032		3.824.803.032	3.824.803.032		3.824.803.032	100.00		100.00
Chi cho công tác xã hội	270.166.272		270.166.272	270.166.272		270.166.272	100.00		100.00
Chi dân quân tự vệ, an ninh trật tự	696.571.096		696.571.096	696.571.096		696.571.096	100.00		100.00
Tiết kiệm chi	56.300.000		**56.300.000**	**56.300.000**		**56.300.000**	100.00		100.00
Dự phòng ngân sách	55.000.000		**55.000.000**	**55.000.000**		**55.000.000**	100.00		100.00

THUYẾT MINH
DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH XÃ PHÚC LƯƠNG NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của UBND xã Phúc Lương)

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt,thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

UBND xã Phúc Lương thuyết minh dự toán ngân sách năm 2021 cụ thể như sau:

1.Dự toán thu ngân sách năm 2021:

Tổng thu ngân sách năm 2021: 5.112.040.400đồng

Trong đó:

Thu cân đối: 86.000.000 đồng

Thu bổ sung cân đối: 4.143.674.400 đồng

Thu bổ sung có mục tiêu: 882.366.000 đồng

ĐVT: đồng

TT	NỘI DUNG	THU NGÂN SÁCH		GHI CHÚ
		TỔNG SỐ	NSX HƯỞNG	
	PHẦN THU	**5.112.040.400**	**5.112.040.400**	
	Tổng thu (A + B+C)	**5.112.040.400**	**5.112.040.400**	
A	**Tổng thu cân đối (I + II+ ...+VII)**	**86.000.000**	**86.000.000**	
I	**Thu ngoài quốc doanh**	**5.000.000**	**5.000.000**	
1	Thuế hộ khoán cố định (GTGT)	5.000.000	5.000000	
II	**Thuế SD đất phi nông nghiệp (thuế nhà đất)**	-	-	
III	**Thuế sử dụng đất NN**		-	
IV	**Phí - Lệ phí**	**32.500.000**	**32.500.000**	
	Phí môn bài	1.500.000	1.500.000	
	- Lệ phí chứng thư	31.000.000	31.000.000	
	- Phí lề đường, bến bãi	-	-	
V	**Thuế thu nhập cá nhân**	**22.000.000**	**22.000.000**	
1	Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	19.000.000	19.000.000	
2	Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh	3.000.000	3.000.000	

VI	**Lệ phí trước bạ đất**	**5.500.000**	**5.500.000**	
VII	**Thu khác tại xã**	**21.000.000**	**21.000.000**	
B	**Thu trợ cấp**	**5.026.040.400**	**5.026.040.400**	
	- Trợ cấp cân đối	4.143.674.400	4.143.674.400	
	- Trợ cấp mục tiêu	882.366.000	882.366.000	
C	**Thu quản lý qua ngân sách**	-	-	

2. Dự toán chi ngân sách năm 2021:

Tổng chi ngân sách năm 2021: 5.112.040.400 đồng

Trong đó:

Chi thường xuyên: 5.000.740.400 đồng

Tiết kiệm 10% để cải cách tiền lương : 56.300.000 đồng

Chi dự phòng: 55.000.000 đồng

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán HĐND giao	Tiết kiệm chi 10%	Ghi chú
A	*B*	*1*		
	Tổng cộng (A+B)	**5.112.040.400**		
A	**Tổng chi ngân sách xã(I+II+III)**	**5.000.740.400**		
I	**Chi đầu tư phát triển**	**0**		
1	Chi đầu tư XDCB			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	**Chi thường xuyên**	**5.000.740.400**		
1	Chi công tác dân quân TV, ANTT	**696.571.096**		
a	***Chi dân quân tự vệ***	**432.891.096**		
	- Chi lương	63.557.000		
	- Chi PC lâu năm	8.940.000		
	- Chi BHXH.BHYT,KPCĐ	14.075.136		
	- Chi huy trưởng	4.291.200		
	- Chi PC XĐP, BHXH	28.608.000		
	- Chi PC trách nhiệm quản lý	3.933.600		
	- Chi PC đặc thù	21.277.200		
	- Chính trị viên	4.291.200		
	- Chính trị viên phó	3.933.600		
	- Trung đội trưởng CĐ	1.430.400		
	- Tiểu đội trưởng	5.364.000		

	- Chi PC Thôn đội trưởng	110.856.000		
	- Thâm niên quân sự	9.422.760		
	- Chi huấn luyện	125.911.000		
	- Chi thường xuyên	27.000.000	3.000.000	
b	***Chi an ninh trật tự***	**263.680.000**		
	- Chi PC CAV	196.680.000		
	- Chi thường xuyên	27.000.000	3.000.000	
	- Chi hỗ trợ khác	40.000.000		
2	**Sự nghiệp văn hoá, thông tin**	**19.800.000**		
	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	19.800.000	2.200.000	
3	**Sự nghiệp thể thao**	**53.500.000**		
	Sự nghiệp thể thao	13.500.000	1.500.000	
	ĐH VH	40.000.000		
4	**Sự nghiệp kinh tế**	**22.500.000**		
	Sự nghiệp giao thông	13.500.000	1.500.000	
	SN nông - lâm - thuỷ lợi - hải sản	9.000.000	1.000.000	
	Sự nghiệp thị chính			
	Thương mại, dịch vụ			
	Các sự nghiệp khác			
5	**Sự nghiệp xã hội**	**270.166.272**		
	Hưu xã và trợ cấp khác	261.315.672		
	BHYT	8.850.600		
6	**Chi QL nhà nước, đảng, đoàn thể**	**3.920.203.032**		
6.1	**Quản lý nhà nước**	**2.206.529.060**		
6.1.1	**Uỷ ban**	**1.873.208.752**		
	- Chi lương CBCC,CT + BH	962.328.392	12.500.000	
	- Chi PC thu hút, lâu năm	134.225.160		
	- Chi trả CB không chuyên trách	63.295.200		
	- Chi PC Trưởng xóm	214.560.000		
	- Chi trả lắp đặt truyền hình trực tuyến	80.000.000		
	-Chi thuê bảo vệ, UNT,bưu tá, VP)	74.400.000		
	-Chi phụ cấp nhân viên y tế xóm	89.400.000		
	- Chi HT trực1cửa	24.000.000		
	- Chi hỗ trợ truyền thanh	6.000.000		
	- Chi tiền điện, mạng	60.000.000		

	- Chi thường xuyên	165.000.000	16.500.000	
6.1.2	**HĐND xã**	**333.320.308**		
	- Chi lương CBHĐND	72.720.500	4.000.000	
	- Chi PC lâu năm	8.940.000		
	- Chi PC KN	25.389.600		
	- Chi BHXH, BHYT, KPCĐ	34.894.608		
	- Chi PC, BHYT TVHĐND	126.054.000		
	-Phụ cấp 2 ban(Ban kinh tế, pháp chế)	5.721.600		
	- Báo đại biểu HĐND xã	39.600.000		
	- Chi thường xuyên	20.000.000		
6.1.3	**Đảng cộng sản Việt Nam**	**546.820.744**		
	- Chi lương	140.441.000	5.000.000	
	- Chi PC lâu năm	17.880.000		
	- Chi BHXH,BHYT,KPCĐ	38.102.944		
	- Chi PC cấp uỷ	69.732.000		
	- Chi PC BTCB + VP Đảng	240.664.800		
	- Chi thường xuyên	40.000.000		
6.1.4	**Mặt trận tổ quốc**	**376.401.064**		
	- Chi lương	65.345.000		
	- Chi PC Phó CT MTTQ	21.456.000		
	- Chi BHXH,BHYT,KPCĐ	18.824.064		
	-Chi PC thu hút, lâu năm	12.516.000		
	- Chi PC Trưởng Ban MTCS	125.160.000		
	- Chi thường xuyên	8.100.000	900.000	
	- Chi hoạt động của chi hội xóm	20.000.000		
	- Chi cụm dân cư	70.000.000		
	- Ban CĐ TDDDDKXD ĐSVH KDC	25.000.000		
	- Chi thanh tra nhân dân	5.000.000		
	- Chi giám sát cộng đồng	5.000.000		
6.1.5	**Đoàn thanh niên CSHCM**	**172.456.084**		
	- Chi lương	64.227.500		
	- Chi PC thu hút	31.164.840		
	- Chi BHXH, BHYT, KPCĐ	20.182.944		
	- Chi PC Phó BT	29.680.800		

	- Chi thường xuyên	7.200.000	800.000	
	- Chi hoạt động của chi hội xóm	20.000.000		
6.1.6	**Hội phụ nữ Việt Nam**	**165.865.766**		
	- Chi lương	60.683.230		
	- Chi PC thu hút	25.157.160		
	- Chi BHXH,BHYT,KPCĐ	16.721.376		
	- Chi PC Phó PN	26.104.000		
	- Chi hoạt động của chi hội xóm	20.000.000		
	- Chi thường xuyên	7.200.000	800.000	
	- Chi ĐH	10.000.000		
6.1.7	**Hội nông dân Việt Nam**	**168.164.084**		
	- Chi lương	64.227.500		
	- Chi PC thu hút	31.164.840		
	- Chi BHXH,BHYT,KPCĐ	19.467.744		
	- Chi PC Phó ND	26.104.000		
	- Chi hoạt động của chi hội xóm	20.000.000		
	- Chi thường xuyên	7.200.000	800.000	
6.1.8	**Hội cựu chiến binh Việt Nam**	**148.046.230**		
	- Chi lương	63.183.230		
	- Chi BHXH,BHYT,KPCĐ	14.304.000		
	- Chi PC thu hút	21.903.000		
	- Chi PC Phó CCB	21.456.000		
	- Chi thường xuyên	7.200.000	800.000	
	- Chi hoạt động của chi hội xóm KK	20.000.000		
6.1.9	**Hội người cao tuổi**	**44.096.000**		
	- Chi phụ cấp	21.456.000		
	- Chi mừng thọ NCT (70,75,80,85) + thiếp	16.640.000		
	- Chi ĐH	6.000.000		
6.1.10	**Hội chữ thập đỏ**	**27.456.000**		
	- Chi phụ cấp	21.456.000		
	- Chi ĐH	6.000.000		
6.1.11	**Hội da cam**	**16.092.000**		
	- Chi phụ cấp	16.092.000		
6.1.12	**Hội khuyến học**	**16.092.000**		

	- Chi phụ cấp	16.092.000		
6.1.13	**Hội đông y**	**16.092.000**		
	- Chi phụ cấp	16.092.000		
6.1.14	**Cựu TNXP**	**16.092.000**		
	- Chi phụ cấp	16.092.000		
B	**Chi hỗ trợ khác (.....)**	**18.000.000**	**2.000.000**	
C	**Dự phòng**	**55.000.000**	**56.300.000**	